

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - VĂN PHÒNG CÔNG TY

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES[®])

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 32
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 14 – Văn phòng công ty (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 14 (tên giao dịch là: Licogi 14 Joint Stock Company) tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 02 năm 1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18 tháng 07 năm 2005 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1803000339 ngày 12 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ bảy ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : L14

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	13.207.690.000	26,42
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	36.792.310.000	73,58
Cộng	50.000.000.000	100,00

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại : +84 (210) – 3953 543

Fax : +84 (210) – 3953 542

Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 2 3 4

▪ Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

▪ Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2

Địa chỉ : Tầng 3, Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

▪ Chi nhánh Lào Cai

Địa chỉ : Số 14, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

▪ Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8

Địa chỉ : Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.



3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Chủ tịch	19/05/2016	-
Ông Vũ Duy Quang	Chủ tịch	24/03/2014	19/05/2016
Ông Phạm Gia Lý	Phó Chủ tịch	24/03/2014	19/05/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	24/03/2014	-
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên	26/04/2016	-
Ông Trần Thế Bình	Thành viên	24/03/2014	-
Ông Hà Minh Tiến	Thành viên	24/03/2014	26/04/2016

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Sim	Trưởng ban	24/03/2014	-
Ông Hoàng Hàng Hải	Thành viên	24/03/2014	-
Ông Hàng Như Thái	Thành viên	24/03/2014	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Tổng Giám đốc	24/03/2014	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	-
Ông Hà Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	-
Bà Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	02/04/2014	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Gia Lý	Tổng Giám đốc	24/03/2014	-

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty từ trang 08 đến trang 33.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của riêng Văn phòng công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty kèm theo. Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty.

Phủ Thọ, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

TM. Ban Tổng Giám đốc *ll*



PHẠM GIA LÝ
Tổng Giám đốc



Số: 2044/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 14 – Văn phòng công ty (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017 (từ trang 08 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán của riêng Văn phòng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của riêng văn phòng công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của riêng văn phòng công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

30/03/2017
RÁC
IỂM
CH
5

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán, phạm vi của báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty này chỉ phản ánh tình hình tài chính riêng và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Licogi 14 – Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc tổng hợp báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty với các chi nhánh không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Nguyễn Thanh Hồng - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		147.017.266.505	124.050.164.956
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.541.544.652	18.717.114.808
111	1. Tiền		2.541.544.652	18.717.114.808
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.025.871.173	47.878.644.259
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	42.402.839.831	16.824.835.561
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	2.343.558.943	3.103.732.538
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		38.100.153.846	27.133.589.692
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	179.318.553	1.744.530.380
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(928.043.912)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	61.449.850.680	57.426.105.834
141	1. Hàng tồn kho		61.449.850.680	57.876.819.150
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(450.713.316)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	28.300.055
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	28.300.055
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.453.736.354	29.498.332.170
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		209.069.000	177.069.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		209.069.000	177.069.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		12.189.108.365	15.205.023.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	10.378.505.365	13.258.064.000
222	- Nguyên giá		89.007.554.151	89.198.428.262
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(78.629.048.786)	(75.940.364.262)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	1.810.603.000	1.946.959.000
228	- Nguyên giá		2.506.913.401	2.506.913.401
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(696.310.401)	(559.954.401)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.612.461.934	4.612.461.934
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	4.612.461.934	4.612.461.934
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.443.097.055	9.503.778.236
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	3.082.434.148	5.448.321.877
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.10	5.360.662.907	4.055.456.359
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		172.471.002.859	153.548.497.126

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		82.316.673.469	85.644.703.880
310	I. Nợ ngắn hạn		82.316.673.469	85.644.703.880
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	15.595.650.034	11.459.527.881
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	7.900.525.096	23.239.524.185
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	3.239.337.748	17.273.920.185
314	4. Phải trả người lao động		1.159.338.253	686.016.892
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	7.580.716.262	1.877.335.139
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	40.283.616.000	26.378.575.580
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	6.557.490.076	4.729.804.018
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		90.154.329.390	67.903.793.246
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	90.154.329.390	67.903.793.246
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	34.480.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	34.480.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		840.689.000	840.689.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.598.104.961	8.903.535.278
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.715.535.429	23.679.568.968
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.158.977.968	8.413.004.509
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.556.557.461	15.266.564.459
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		172.471.002.859	153.548.497.126

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phú Thọ, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Giám Đốc



HÀ VĂN LỢI



LÊ THỊ THANH



PHẠM GIA LÝ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	230.879.873.303	639.869.886.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	4.060.335.918	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		226.819.537.385	639.869.886.050
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	175.813.909.199	598.764.339.306
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.005.628.186	41.105.546.744
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	25.844.422	2.211.199.341
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	2.609.791.562	4.483.168.248
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.609.791.562	4.483.168.248
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	5.833.264.001	4.309.144.210
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	8.516.911.649	8.469.373.833
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.071.505.396	26.055.059.794
31	11. Thu nhập khác	VI.8	2.288.155.215	150.000.000
32	12. Chi phí khác	VI.9	2.557.475.147	31.381.000
40	13. Lợi nhuận khác		(269.319.932)	118.619.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.802.185.464	26.173.678.794
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	8.161.695.185	5.569.386.303
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	(1.305.206.548)	195.726.852
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.945.696.827	20.408.565.639

Phú Thọ, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





HÀ VĂN LỢI

LÊ THỊ THANH

PHẠM GIA LÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		33.802.185.464	26.173.678.794
	2. Điều chỉnh cho các khoản		4.363.013.639	7.066.487.586
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		3.180.551.000	4.491.422.000
03	- Các khoản dự phòng		(1.378.757.228)	1.378.757.228
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(48.571.695)	(2.361.199.341)
06	- Chi phí lãi vay		2.609.791.562	3.557.507.699
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.165.199.103	33.240.166.380
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(35.528.089.495)	(4.561.802.373)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.573.031.530)	(10.693.859.741)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(18.603.789.913)	14.522.666.439
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.365.887.729	(4.448.321.877)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.609.791.562)	(3.557.507.699)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.313.455.613)	(4.504.108.926)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.300.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.867.474.625)	(201.616.360)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(29.964.545.906)</i>	<i>19.797.915.843</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(164.636.365)	(403.371.510)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		22.727.273	150.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	12.833.333.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.844.422	2.211.199.341
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(116.064.670)</i>	<i>14.791.160.831</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		54.988.742.970	37.285.424.754
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(41.083.702.550)	(72.203.014.320)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>13.905.040.420</i>	<i>(34.917.589.566)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</i>		<i>(16.175.570.156)</i>	<i>(328.512.892)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.717.114.808	19.045.627.700
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	2.541.544.652	18.717.114.808

Người lập biểu


HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng


LÊ THỊ THANH

Phụ Thọ, ngày 28 tháng 02 năm 2017.



Giám Đốc

PHẠM GIA LÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Licogi 14 – Văn phòng công ty (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với Dự án kinh doanh Bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2	Tầng 3, Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Chi nhánh Lào Cai	Số 14, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8.	Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 128 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 164 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính

Đây là Báo cáo tài chính của riêng Văn phòng công ty, không phải là Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty. Việc tổng hợp Báo cáo tài chính của toàn công ty được thể hiện ở Báo cáo tài chính khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

303
C
ÁCH
M T
CH
5 -

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ là chi phí tập hợp của những công trình xây lắp đang trong quá trình thi công và chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng, chi phí làm cơ sở hạ tầng của dự án bất động sản đang trong giai đoạn tiêu thụ sản phẩm

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp được tính theo phương pháp đích danh, các loại hàng tồn kho khác tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất dài hạn

Tiền thuê đất dài hạn được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê đất.

28
CÔNG
NHỆM
ÁN V
ÁN
P. H

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không tính khấu hao.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: xăng dầu, đá từ khai thác mỏ đá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây lắp

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.410.447.367	394.618.315
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.131.097.285	18.322.496.493
Cộng	<u>2.541.544.652</u>	<u>18.717.114.808</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	666.009.751	2.102.706.739
- Công ty Cổ phần Cơ giới Xây Dựng 17	510.139.345	510.139.345
- Công ty Cổ phần Licogi 13	125.032.906	125.032.906
- Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng tại Quảng Ninh	30.837.500	30.837.500
- Tổng công ty Xây dựng & Phát Triển Hạ tầng Licogi	-	800.574.353
- Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	-	636.122.635
Phải thu các khách hàng khác	41.736.830.080	14.722.128.822
- Sở Giao thông Vận tải Lào Cai (dự án 4D)	10.435.831.312	-
- Ban Quản lý Dự án công trình Giao Thông Lào Cai (Đường 151, 4E) – Tp. Lào Cai	6.831.438.000	-
- Ban Quản lý Dự án công trình Xây dựng Nông nghiệp & PTNT Phú Thọ, Phường Tiên Cát, TP Việt Trì	6.559.059.000	-
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện Bắc Hà - Lào Cai	4.862.612.929	-
- xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	-	-
- Công ty cổ phần Cầu 11 Thăng Long	4.590.406.713	5.303.668.863
- Các đối tượng khác	8.457.482.126	9.418.459.959
Cộng	<u>42.402.839.831</u>	<u>16.824.835.561</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	350.000.000	350.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	350.000.000	350.000.000
Trả trước cho người bán khác	1.993.558.943	2.753.732.538
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Thủy điện Miền Bắc	895.775.000	895.775.000
- Công ty TNHH Hải Linh	532.628.992	917.247.257
- Công ty TNHH môi trường Phương Đạt	192.800.000	-
- Các nhà cung cấp khác	372.354.951	940.710.281
Cộng	<u>2.343.558.943</u>	<u>3.103.732.538</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	179.318.553	1.744.530.380
- Các khoản tạm ứng công trình và cá nhân khác	171.774.888	943.854.971
- Các khoản phải thu khác	7.543.665	800.675.409
Cộng	<u>179.318.553</u>	<u>1.744.530.380</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
5.1 Nguyên liệu, vật liệu	351.314.056	-	525.182.640	-
5.2 Công cụ, dụng cụ	4.092.545	-	4.092.545	-
5.3 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.882.392.387	-	55.890.317.920	(450.713.316)
5.4 Thành phẩm	203.888.305	-	915.974.379	-
5.5 Hàng hóa	1.008.163.387	-	541.251.666	-
Cộng	<u>61.449.850.680</u>	-	<u>57.876.819.150</u>	<u>(450.713.316)</u>

5.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**Chi tiết công trình dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự án Đô thị Minh Phương	31.857.001.132	27.575.272.507
- Công trình sân vận động Lào Cai	16.759.660.098	2.734.449.776
- Công trình Quốc lộ 4E Lào Cai	2.858.507.514	184.941.667
- Đại học Phan Xi Păng Lào Cai	2.444.737.392	8.055.931.075
- Các công trình khác	5.962.486.251	17.339.722.895
Cộng	<u>59.882.392.387</u>	<u>55.890.317.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.292.008.481	54.383.678.977	22.456.068.077	66.672.727	89.198.428.262
Mua trong năm	-	164.636.365	-	-	164.636.365
Thanh lý, nhượng bán	-	-	355.510.476	-	355.510.476
Số cuối năm	12.292.008.481	54.548.315.342	22.100.557.601	66.672.727	89.007.554.151
<i>Trong đó:</i>					
<i>Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	633.159.342	40.914.173.498	19.137.791.886	66.672.727	60.751.797.453
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.978.002.481	49.937.671.977	20.966.049.077	58.640.727	75.940.364.262
Khấu hao trong năm	756.228.000	1.812.381.000	467.554.000	8.032.000	3.044.195.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	355.510.476	-	-
Số cuối năm	5.734.230.481	51.750.052.977	21.078.092.601	66.672.727	78.629.048.786
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.314.006.000	4.446.007.000	1.490.019.000	8.032.000	13.258.064.000
Số cuối năm	6.557.778.000	2.798.262.365	1.022.465.000	-	10.378.505.365

Trong đó: giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 5.150.468.000 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.966.813.309	540.100.092	2.506.913.401
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.966.813.309	540.100.092	2.506.913.401
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	359.993.309	199.961.092	559.954.401
Khấu hao trong năm	77.352.000	59.004.000	136.356.000
Số cuối năm	437.345.309	258.965.092	696.310.401
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.606.820.000	340.139.000	1.946.959.000
Số cuối năm	1.529.468.000	281.135.000	1.810.603.000

Trong đó: giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 1.529.468.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.612.461.934	-	-	4.612.461.934
- Công trình Thủy điện Bào Nhai ^(*)	4.612.461.934	-	-	4.612.461.934
Cộng	4.612.461.934	-	-	4.612.461.934

^(*)Công trình này đang làm thủ tục để chuyển nhượng lại cho Ban QLDA Thủy Điện Bào Nhai.**9. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	Tiền thuê đất dài hạn trả 1 lần ^(*)	Chi phí trả trước dài hạn khác	Cộng
Số dư đầu năm	5.310.321.877	138.000.000	5.448.321.877
- Tăng trong năm	-	535.480.429	535.480.429
- Giảm trong năm ^(**)	2.307.467.656	593.900.502	2.901.368.158
Số dư cuối năm	3.002.854.221	79.579.927	3.082.434.148

^(*) Là tiền thuê đất trả 1 lần của chi nhánh 14.8 Yên Bái, cửa hàng Thương mại dịch vụ tổng hợp tỉnh Yên Bái cho thời gian thuê là 50 năm.^(**) Trong giá trị giảm 2.307.467.656 đồng có 2.245.474.147 đồng, chính là giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại địa chỉ Tổ 1, Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã được chuyển nhượng trong năm.**10. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Số đầu năm	Khoản phát sinh tăng trong năm	Khoản phát sinh giảm trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.055.456.359	3.386.760.748	(2.081.554.200)	5.360.662.907
Cộng	4.055.456.359	3.386.760.748	(2.081.554.200)	5.360.662.907

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	385.318.591	305.018.347
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	211.028.383	130.728.139
- Công ty Cổ phần Licogi 13	174.290.208	174.290.208
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.210.331.443	11.154.509.534
- Công ty Cổ phần Thịnh Cường	1.442.290.374	1.942.290.374
- Công ty TNHH MTV Vận tải Gia Thành	1.202.934.400	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng & Thương mại Tân Á Châu	1.138.574.800	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Tổng hợp Thịnh Cường	934.778.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phúc Khánh	775.000.003	397.168.000
- Các nhà cung cấp khác	9.716.753.866	8.815.051.160
Cộng	15.595.650.034	11.459.527.881

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	7.900.525.096	23.239.524.185
- Ban QLDA Xây dựng Đô thị - Sở Xây dựng Lào Cai (CT Sân Vận động Lào Cai)	6.565.396.205	8.000.000.000
- Các khách hàng Khác	1.335.128.891	15.239.524.185
Cộng	7.900.525.096	23.239.524.185

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.949.724.286	-	5.440.462.430	(20.135.958.384)	254.228.332	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.127.293.776	-	8.161.695.185	(7.313.455.613)	2.975.533.348	-
- Thuế thu nhập cá nhân	13.201.063	-	36.414.935	(40.039.930)	9.576.068	-
- Thuế tài nguyên	78.984.160	-	54.124.800	(133.108.960)	-	-
- Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	104.716.900	-	30.768.000	(135.484.900)	-	-
Cộng	17.273.920.185	-	13.723.465.350	(27.758.047.787)	3.239.337.748	-

13a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh thông thường	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	8.161.695.185	8.161.695.185
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	8.161.695.185	8.161.695.185

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	31.936.082	9.530.462
- BHXH, BHYT, BHTN còn phải nộp	102.220.074	-
- Phải trả tiền bảo hành	5.892.276.981	1.507.721.077
- Phải trả khác	1.554.283.125	360.083.600
Cộng	7.580.716.262	1.877.335.139

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	40.283.616.000	40.283.616.000	26.378.575.580	26.378.575.580
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽¹⁾	30.370.442.800	30.370.442.800	16.818.531.580	16.818.531.580
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Lào Cai	-	-	2.260.044.000	2.260.044.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì ⁽²⁾	1.663.173.200	1.663.173.200	-	-
- Vay cá nhân ⁽³⁾	8.250.000.000	8.250.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
Cộng	40.283.616.000	40.283.616.000	26.378.575.580	26.378.575.580

⁽¹⁾ Là khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/399127/ HĐTD ngày 05 tháng 05 năm 2016.

- Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/04/2017;

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh;

- Lãi suất vay được quy định từng lần trên các khế ước nhận nợ;

- Vay thế chấp, Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Tài sản thứ nhất: Trụ sở công ty và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê tại Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

+ Tài sản thứ hai: Cửa hàng Xăng dầu Bến Gót 1 và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê tại Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Tài sản thứ ba: Xưởng sửa chữa và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê.

+ Tài sản thứ tư: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 522281 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/11/2013, theo quyết định số 3021/QĐ_UBND ngày 25/11/2013, vào sổ GCN số CT04084.

+ Tài sản thứ năm: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 522282 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/11/2013, theo quyết định số 3021/QĐ_UBND ngày 25/11/2013, vào sổ GCN số CT04083.

+ Và tài sản thế chấp là phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp số 03/2014/399127/HĐBĐ ngày 15/08/2014.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 86518.16.353.481123.TD ngày 07 tháng 11 năm 2016 Của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Việt Trì.

- Phương thức cho vay: Cho vay theo món ngắn hạn;

- Số tiền vay: 8.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn vay đến hết ngày 28/02/2017;

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn thực hiện dự án “Cải tạo cảnh quan Khu đô thị Minh Phương”;

- Lãi suất vay được quy định từng lần trên các khế ước nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: 03 bất động sản tại thửa đất số 668, 670 và 671; tờ bản đồ số 3 tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BO 217087, BO 217084 và BO 217086 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25 tháng 11 năm 2013.

⁽³⁾ Là khoản vay các nhân với lãi suất là 9%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	19.078.575.580	53.275.742.970	(40.320.702.550)	32.033.616.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.300.000.000	1.713.000.000	(763.000.000)	8.250.000.000
Cộng	26.378.575.580	54.988.742.970	(41.083.702.550)	40.283.616.000

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận/khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.729.804.018	2.702.619.683	(874.933.625)	6.557.490.076
Cộng	4.729.804.018	2.702.619.683	(874.933.625)	6.557.490.076

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	26,42	13.207.690.000	26,42	9.108.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	73,58	36.792.310.000	73,58	25.372.000.000
Cộng	100,00	50.000.000.000	100,00	34.480.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	50.000.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	50.000.000.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	50.000.000.000

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	34.480.000.000	28.800.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	15.520.000.000	5.680.000.000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	34.480.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.520.000.000	5.680.000.000

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	3.448.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	3.448.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.448.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	3.448.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

17e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	8.903.535.278	2.694.569.683	-	11.598.104.961
Cộng	8.903.535.278	2.694.569.683	-	11.598.104.961

17f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận năm 2016	Phân phối lợi nhuận năm 2015 ⁽¹⁾	Tổng cộng
Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	15.520.000.000	15.520.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.694.569.683	-	2.694.569.683
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.694.569.683	-	2.694.569.683
Các khoản giảm lợi nhuận khác	-	2.000.591.000	2.000.591.000
Tổng cộng	5.389.139.366	17.520.591.000	22.909.730.366

(1) Phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/04/2016.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

<i>Tổng doanh thu</i>	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bất động sản	99.241.277.443	565.613.563.141
- Doanh thu bán Xăng, dầu	39.701.998.685	48.502.887.153
- Doanh thu xây lắp	91.535.489.810	25.611.544.848
- Doanh thu khác	401.107.365	141.890.908
Cộng	230.879.873.303	639.869.886.050

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm trừ doanh thu do quyết toán công trình giảm của hoạt động xây lắp.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bất động sản	53.052.047.738	528.928.675.408
- Giá vốn bán Xăng, dầu	36.705.005.893	45.694.606.646
- Giá vốn xây lắp	85.344.721.221	24.080.854.252
- Dự phòng hàng tồn kho	450.713.316	
- Giá vốn khác	261.421.031	60.203.000
Cộng	175.813.909.199	598.764.339.306

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng và lãi vay cá nhân.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	5.032.707.135	3.518.304.894
- Chi phí vật liệu, bao bì	589.773	6.798.273
- Chi phí khấu hao	490.260.000	490.260.000
- Chi phí Chi phí thuế, phí, lệ phí	82.478.000	28.334.000
- Chi phí bằng tiền khác	227.229.093	265.447.043
Cộng	<u>5.833.264.001</u>	<u>4.309.144.210</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	3.422.030.776	3.226.905.159
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.397.027.000	1.982.648.000
- Thuế, phí và lệ phí	581.235.636	322.904.652
- Chi phí dự phòng	928.043.912	1.378.757.228
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.777.636	45.738.181
- Chi phí bằng tiền khác	2.178.796.689	1.512.420.613
Cộng	<u>8.516.911.649</u>	<u>8.469.373.833</u>

8. Thu nhập khác

Chủ yếu là thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa chỉ Tổ 1, Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (với giá trị chuyển nhượng là 2.265.427.942 đồng).

9. Chi phí khác

Chủ yếu là giá trị giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại địa chỉ Tổ 1, Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Công ty đang theo dõi trên sổ sách tại ngày chuyển nhượng (với giá trị là 2.245.474.147 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh thông thường	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(148.302.931)	33.950.488.395	33.802.185.464
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm khi xác định lợi nhuận chịu thuế	-	312.001.000	312.001.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	312.001.000	312.001.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(148.302.931)	34.262.489.395	34.114.186.464
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	
Thuế TNDN phải nộp năm nay	-	6.852.497.879	6.852.497.879
- Thuế TNDN tạm nộp từ kinh doanh BDS (1%)	-	3.386.760.748	3.386.760.748
- Thuế TNDN từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	3.990.758	3.990.758
- Thuế TNDN điều chỉnh giảm từ hoạt động chuyển nhượng BDS	-	(2.081.554.200)	(2.081.554.200)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	8.161.695.185	8.161.695.185

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ những khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.386.760.748)	(1.810.284.890)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.081.554.200	2.006.011.742
Cộng	(1.305.206.548)	195.726.852

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.551.001.719	16.327.439.525
- Chi phí nhân công	30.506.719.498	17.692.957.288
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.931.049.000	4.491.422.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.483.130.000	1.983.129.955
- Chi phí khác	8.504.214.620	5.998.592.779
Cộng	108.976.114.837	46.493.541.547

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	1.773.131.543	2.246.803.076
Cộng	1.773.131.543	2.246.803.076

Cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng đã trả cho các thành viên chủ chốt.

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	24.336	13.942
- Cổ phiếu thưởng (cổ phiếu)	48.693	99.000
Cộng	73.029	112.942

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
TCT Xây dựng & PT Hạ tầng Licogi	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Cơ giới XD 17	Cùng Tổng công ty Licogi
Chi nhánh TCTXD & PTHH tại Quảng Ninh	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Licogi 13	Cùng Tổng công ty Licogi
BQLDA Thủy điện Bắc Hà	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Licogi 19	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty CP Tư vấn Licogi	Cùng Tổng công ty Licogi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Cùng Tổng công ty Licogi

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- BQLDA Thủy điện Bắc Hà		
Công ty CP Licogi 14 thực hiện xây lắp	10.047.827.738	-
Công ty CP Licogi 14 phải thu công trình	4.862.612.929	-
Công ty CP Licogi 14 phải trả công trình trả trước	-	223.307.641
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18		
Công ty CP Licogi 14 mua dịch vụ xây lắp	84.168.320	-
Công ty CP Licogi 14 phải trả công trình	211.028.383	130.728.139

Các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch với Công ty và số dư đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.2, V.3, V.11

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**• Năm nay**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Bất động sản	99.241.277.443	53.052.047.738	46.189.229.705	46,54%
Xăng dầu	39.701.998.685	36.705.005.893	2.996.992.792	7,55%
Xây lắp	91.535.489.810	85.344.721.221	6.190.768.589	6,76%
Hoạt động khác	401.107.365	450.713.316	(49.605.951)	(12,37)%
Cộng	230.879.873.303	175.552.488.168	55.327.385.135	23,96%

• Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Bất động sản (*)	565.613.563.141	528.928.675.408	36.684.887.733	38,28%
Xăng dầu	48.502.887.153	45.694.606.646	2.808.280.507	5,79%
Xây lắp	25.611.544.848	24.080.854.252	1.530.690.596	5,98%
Hoạt động khác	141.890.908	-	141.890.908	100,00%
Cộng	639.869.886.050	598.704.136.306	41.165.749.744	24,20%

(*) Doanh thu và giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản năm trước đã bao gồm doanh thu và giá vốn của toàn bộ dự án Minh Phương mà Công ty đã bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ với tổng giá trị dự án là 469.774.719.254 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 – VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- **Khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. **Tài sản đảm bảo**

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay và được trình bày ở Thuyết minh V.15. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.679.936.000 đồng.

5. **Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Phú Thọ, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Tổng Giám đốc



PHẠM GIA LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14 - VĂN PHÒNG CÔNG TY

Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	28.800.000.000	840.689.000	6.859.887.178	14.487.503.577	50.988.079.755
2. Tăng trong năm trước	5.680.000.000	-	2.044.175.600	20.408.565.639	28.132.741.239
- Lợi nhuận tăng	5.680.000.000	-	-	20.408.565.639	26.088.565.639
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	2.044.175.600	-	2.044.175.600
3. Giảm trong năm trước	-	-	527.500	11.216.500.248	11.217.027.748
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	34.480.000.000	840.689.000	8.903.535.278	23.679.568.968	67.903.793.246
5. Tăng trong năm	15.520.000.000	-	2.694.569.683	26.945.696.827	45.160.266.510
- Lãi trong năm	-	-	-	26.945.696.827	26.945.696.827
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu niêm yết	15.520.000.000	-	-	-	15.520.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	2.694.569.683	-	2.694.569.683
6. Giảm trong năm	-	-	-	22.909.730.366	22.909.730.366
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.694.569.683	2.694.569.683
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	2.694.569.683	2.694.569.683
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu niêm yết	-	-	-	15.520.000.000	15.520.000.000
- Giảm khác	-	-	-	2.000.591.000	2.000.591.000
7. Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	840.689.000	11.598.104.961	27.715.535.429	90.154.329.390

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Phú Thọ, ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Giám đốc



PHẠM GIA LÝ

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính